

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư và lĩnh vực đấu thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-BKHĐT ngày 02/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3277/TTr-SKHĐT ngày 25/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 04 thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư; 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đấu thầu và 03 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đấu thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa. Cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung 01 TTHC tại Quyết định số 4543/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đấu thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa.

- Bãi bỏ 03 TTHC tại Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đấu thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa.

(có Danh mục TTHC kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để xây dựng quy trình điện tử trước ngày 10/6/2021.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đấu thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Thông tin và Truyền thông (Cổng DVC);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THANH HÓA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<i>Lĩnh vực Đầu tư theo phương thức đối tác công tư</i>					
1.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (cấp tỉnh). (1.009491.000.00.00.H56)	- Thời gian thẩm định: không quá 30 ngày; - Thời hạn phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư: không quá 15 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28 Đại lộ Lê Lợi Phường Điện Biên thành phố Thanh Hóa)	Không có	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020. - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (cấp tỉnh) (1.009492.000.00.00.H56)	- Thời gian thẩm định: Không quá 60 ngày; - Thời gian phê duyệt dự án PPP: Không quá 15 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28 Đại lộ Lê Lợi Phường Điện Biên thành phố Thanh Hóa)	<p>Phí thẩm định xác định theo tỷ lệ phần trăm quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.</p> <p style="text-align: center;">BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</p> <table border="1" data-bbox="965 443 1805 727"> <tr> <td>Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)</td> <td>≤ 15</td> <td>25</td> <td>50</td> <td>100</td> <td>200</td> <td>500</td> <td>1.000</td> <td>2.000</td> <td>5.000</td> <td>≥10.000</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ %</td> <td>0,0190</td> <td>0,0170</td> <td>0,0150</td> <td>0,0125</td> <td>0,0100</td> <td>0,0075</td> <td>0,0047</td> <td>0,0025</td> <td>0,0020</td> <td>0,0010</td> </tr> </table> <p>Phí thẩm định thiết kế cơ sở: Mức phí thẩm định thiết kế cơ sở bằng 50% mức phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng tại Biểu mức thu phí thẩm định dự án đầu tư.</p>	Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	≤ 15	25	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥10.000	Tỷ lệ %	0,0190	0,0170	0,0150	0,0125	0,0100	0,0075	0,0047	0,0025	0,0020	0,0010	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư. - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.
Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	≤ 15	25	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥10.000																	
Tỷ lệ %	0,0190	0,0170	0,0150	0,0125	0,0100	0,0075	0,0047	0,0025	0,0020	0,0010																	

3.	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (cấp tỉnh) (1.009493.000.00.00.H56)	- Thời gian thẩm định: không quá 30 ngày; - Thời hạn phê duyệt: không quá 15 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi Phường Điện Biên thành phố Thanh Hóa)	Không có	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.																						
4.	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (cấp tỉnh) (1.009494.000.00.00.H56)	- Thời hạn thẩm định: không quá 60 ngày; - Thời hạn phê duyệt: không quá 15 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28 Đại lộ Lê Lợi Phường Điện Biên thành phố Thanh Hóa)	<p>Phí thẩm định xác định theo tỷ lệ phần trăm quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.</p> <p style="text-align: center;">BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI</p> <table border="1" data-bbox="965 927 1805 1209"> <tr> <td>Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)</td> <td>≤ 15</td> <td>25</td> <td>50</td> <td>100</td> <td>200</td> <td>500</td> <td>1.000</td> <td>2.000</td> <td>5.000</td> <td>≥10.000</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ %</td> <td>0,0190</td> <td>0,0170</td> <td>0,0150</td> <td>0,0125</td> <td>0,0100</td> <td>0,0075</td> <td>0,0047</td> <td>0,0025</td> <td>0,0020</td> <td>0,0010</td> </tr> </table> <p>Phí thẩm định điều chỉnh thiết kế cơ sở: Mức phí thẩm định thiết kế cơ sở bằng 50% mức phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng tại Biểu mức thu phí thẩm định dự án đầu tư.</p>	Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	≤ 15	25	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥10.000	Tỷ lệ %	0,0190	0,0170	0,0150	0,0125	0,0100	0,0075	0,0047	0,0025	0,0020	0,0010	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư. - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	≤ 15	25	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥10.000																	
Tỷ lệ %	0,0190	0,0170	0,0150	0,0125	0,0100	0,0075	0,0047	0,0025	0,0020	0,0010																	

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

Sửa đổi, bổ sung 01 TTHC được quy định tại Quyết định số 4543/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đấu thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa.

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Nội dung được sửa đổi
	<i>Lĩnh vực Đấu thầu</i>					
1	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư) (2.002283.000.0 0.00.H56)	Tổng thời hạn giải quyết: 40 ngày, cụ thể: - Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được đề xuất, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất; đánh giá việc đáp ứng đầy đủ điều kiện xác định dự án đầu tư có sử dụng đất quy định khoản 5 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; xác định yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, báo cáo Chủ tịch Ủy	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28 Đại lộ Lê Lợi Phường Điện Biên thành phố Thanh Hóa)	Không có	- Luật Đấu thầu năm 2013. - Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.	Tên thủ tục hành chính; thành phần hồ sơ; thời hạn giải quyết; kết quả thực hiện TTHC theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 12 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

		<p>ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất, trong đó bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.</p>			<p>- Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.</p>	<p>ngày 26/3/2021 của Chính phủ.</p>
--	--	--	--	--	--	--------------------------------------

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

Bãi bỏ 03 TTHC được công bố tại Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đấu thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VPQPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
	<i>Lĩnh vực Đấu thầu</i>		
1	2.002097.000.00.00.H56	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất	Khoản 3 Điều 92 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.
2	2.001995.000.00.00.H56	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất	Khoản 3 Điều 92 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.
3	2.001994.000.00.00.H56	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất	Khoản 3 Điều 92 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.